

# LUYỆN TỪ VÀ CÂU

(1 tiết)

## I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mở rộng vốn từ về cộng đồng.
2. Ôn kiểu câu *Ai làm gì ?*.

## II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Bảng phụ trình bày bảng phân loại ở BT1.
- Bảng lớp viết (theo chiều ngang) các câu văn ở BT3 và BT4.

166

– GV giúp HS nắm yêu cầu của bài : Đây là những câu đặt theo mẫu *Ai làm gì ?* mà các em học từ lớp 2. Nhiệm vụ của các em là tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ai (cái gì, con gì) ?* và bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Làm gì ?*.

– HS làm bài vào vở, VBT hoặc giấy nháp.

– GV mời 3 HS lên bảng làm bài : gạch 1 gạch dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ai (cái gì, con gì) ?*, gạch 2 gạch dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Làm gì ?*. Sau đó từng em trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng. Cả lớp chữa bài trong vở, VBT theo lời giải đúng :

Câu a) Đàn sếu đang sải cánh trên cao.

Con gì ?      Làm gì ?

Câu b) Sau một cuộc dạo chơi, đám trẻ ra về.

Ai ?      Làm gì ?

Câu c) Các em tới chỗ ông cụ, lễ phép hỏi.

Ai ?      Làm gì ?

d) *Bài tập 4*

– Một, hai HS đọc nội dung BT.

– GV hỏi : *Ba câu văn được nêu trong bài tập được viết theo mẫu câu nào ? (Ai làm gì ?)*

– GV : Bài tập trước yêu cầu các em tìm các bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ai (cái gì, con gì) ?* và câu hỏi *Làm gì ?*. Bài tập này yêu cầu ngược lại : đặt câu hỏi cho các bộ phận câu được in đậm trong từng câu văn.

– HS làm bài.

– GV mời 5 đến 7 HS phát biểu ý kiến. GV viết nhanh lên bảng những ý kiến đúng và cả ý kiến sai (nếu có). Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng HS chữa bài.

a) ***Ai** bỡ ngỡ đứng nép bên người thân ?*

b) Ông ngoại ***làm gì ?***

c) Mẹ bạn ***làm gì ?***

## 3. Củng cố, dặn dò

– Một HS nhắc lại những nội dung vừa học.

– GV yêu cầu HS về nhà HTL các thành ngữ, tục ngữ ở BT2 ; xem lại BT3 và 4.

### III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

#### A - KIỂM TRA BÀI CŨ

GV kiểm tra 2 HS làm miệng các BT2 và 3 (tiết LTVC, tuần 7) (mỗi em làm 1 bài).

#### B - DẠY BÀI MỚI

##### 1. Giới thiệu bài

GV nêu MĐ, YC của tiết học.

##### 2. Hướng dẫn làm bài tập

###### a) Bài tập 1

- Một HS đọc nội dung BT. Cả lớp theo dõi trong SGK.
- Một HS làm mẫu (xếp 2 từ *cộng đồng* và *cộng tác* vào bảng phân loại).
- Cả lớp làm bài vào vở, VBT hoặc giấy nháp.
- GV mời 1 HS làm bài trên bảng phụ, đọc kết quả. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng. Cả lớp chữa bài trong vở, VBT theo lời giải đúng :

Những người trong cộng đồng	<i>cộng đồng, đồng bào, đồng đội, đồng hương</i>
Thái độ, hoạt động trong cộng đồng	<i>cộng tác, đồng tâm</i>

###### b) Bài tập 2

- Một HS đọc nội dung BT. Cả lớp theo dõi trong SGK.
- GV giải nghĩa từ *cật* (trong câu *Chung lưng đấu cật*) : lưng, phần lưng ở chỗ ngang bụng (*Bụng đối cật rét*).
- HS trao đổi theo nhóm.
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả (tán thành thái độ ứng xử ở câu a, c ; không tán thành với thái độ ở câu b).
- GV giúp HS hiểu thêm nghĩa của từng câu thành ngữ, tục ngữ :
  - + *Chung lưng đấu cật* : đoàn kết, góp sức cùng nhau làm việc.
  - + *Cháy nhà hàng xóm bình chân như vại* : ích kỉ, thờ ơ, chỉ biết mình, không quan tâm đến người khác (truyện *Cháy nhà hàng xóm* ở sách *Tiếng Việt 2, tập hai* thể hiện nội dung câu này).
  - + *Ăn ở như bát nước đầy* : sống có nghĩa có tình, thủy chung trước sau như một, sẵn lòng giúp đỡ mọi người.
- HS học thuộc 3 câu thành ngữ, tục ngữ.

###### c) Bài tập 3

- Một HS đọc nội dung BT. Cả lớp đọc thầm theo.